

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án: 258/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/7/2023
V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thành Chung;
- Ông Phan Phước Tân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thanh Trúc Phương – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia
phiên tòa:** Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét
xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 190/2023/TLST-HNGĐ
ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2023
và Quyết định hoãn phiên tòa số 273/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023,
giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1971; nơi ĐKKHKT: Tổ 09, ấp P, xã P,
huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT: Tổ 09, ấp P, xã P,
huyện A, tỉnh An Giang.

Ông H vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ
ông Đỗ Văn H trình bày: Ông và bà Huỳnh Thị H tự tìm hiểu thương yêu, không có tổ
chức lễ cưới, về chung sống như vợ chồng năm 1996, không có đăng ký kết hôn và
hiện tại vẫn chưa đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến
năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không
tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn
gắn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, cả hai đã sống ly thân từ khoảng tháng

03/2014 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà Huỳnh Thị H.

Về con chung: Ông H và bà H trong thời gian sống chung có 01 con chung tên Đỗ Khoa Đ, sinh ngày 20/11/1997. Hiện nay, cháu Đỗ Khoa Đ đã trưởng thành và sống tự lập được, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Theo Biên bản xác minh ngày 08/6/2023, Công an xã P cung cấp bà Huỳnh Thị H vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã P, huyện A, tỉnh An Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H không có mặt theo các văn bản triệu tập của Tòa nên không ghi nhận được ý kiến và bà H cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến. Để đảm bảo quyền lợi của bà H, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo về kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ, tuy nhiên bà H vẫn không có ý kiến.

Tại phiên tòa: Ông H vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt lần thứ hai. Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận ông Đỗ Văn H và bà Huỳnh Thị H là quan hệ vợ chồng; con chung Đỗ Khoa Đ đã trưởng thành và sống tự lập nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Ông Đỗ Văn H yêu cầu được ly hôn với bà Huỳnh Thị H. Bà H cư trú tại huyện An Phú, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Ông H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà H vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa ông Đỗ Văn H và bà Huỳnh Thị H được xác lập do tự tìm hiểu, yêu thương, không có tổ chức lễ cưới, tự về chung sống với nhau. Lẽ ra, hôn nhân được công nhận nhưng ông H xác định từ khi chung sống đến nay chưa đăng ký kết hôn. Lời trình bày của ông H là phù hợp với Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 57/GXN-UBND ngày 14/4/2023 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận ông Đỗ Văn H và bà Huỳnh Thị H là quan hệ vợ chồng.

[3] *Về quan hệ con chung*: Ông H và bà H có 01 (một) con chung tên Đỗ Khoa Đ, sinh ngày 20/11/1997. Hiện con chung đã trưởng thành, sống tự lập được, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Ông H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 51, 53, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn H.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận ông Đỗ Văn H và bà Huỳnh Thị H là quan hệ vợ chồng.

Về án phí: Ông Đỗ Văn H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà ông H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú theo biên lai thu số: 0008297 ngày 11/5/2023.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/7/2023) các bên có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (2);
- Chi cục THADS huyện An Phú (1);
- Lưu văn phòng (1);
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Chúc Phương